

Bản án số: 535/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 3/5/2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh**

2. Ông **Thiều Đình Thu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Phạm Phương Hạnh** – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2016/TLST-HN ngày 09 tháng 11 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2307/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: B4 3.3 Chung cư Terra Rosa, ấp N, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Tran A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 6 L Bvd, K, Victoria, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2016 và các bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà và ông Tran A kết hôn với nhau tại nước Úc – Phòng đăng ký kết hôn bang Victoria theo Giấy kết hôn số 013845 ngày 29/5/2010. Ngày 09/9/2016, việc kết hôn đã ghi vào Sổ hộ tịch kết hôn số 38 tại UBND huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nước Úc do ông Tran A bảo lãnh cho bà được cấp thị thực sinh sống tại Úc diện theo chồng. Cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Sau đó, ông Tran A không đồng ý tiếp tục bảo lãnh cho bà ở lại Úc vĩnh viễn. Tháng 5/2015, thị thực của bà tại Úc hết hạn, bà phải một mình quay lại Việt Nam sinh sống cho đến nay. Từ đó đến nay hai bên chấm dứt liên lạc. Thời gian xa nhau đã lâu, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Tran A.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Tran A cư trú ở Australia, Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, đã gửi Thông báo về việc thụ lý và xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 131/UTTPDS-TA30 ngày 02/6/2017. Theo nội dung Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa lần 1 vào lúc 8g00 ngày 02/3/2018, thời gian mở phiên tòa lần 2 vào lúc 8g00 ngày 02/4/2018. Văn bản được Bộ Tư pháp nước CHXHCN Việt Nam gửi đến Tòa cấp cao Victoria, Ô-xtrây-li-a ngày 11/8/2017. Ngày 02/11/2017, Tòa án tối cao của bang Victoria, Liên bang Ô-xtrây-li-a có văn bản số SCFS-IS-17-175 thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với đương sự Tran A. Đến khi mở phiên tòa, Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Tran A và ông cũng không có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa .

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn ông Tran A. Về con chung: không có. Tài sản chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Tran A cư trú tại Australia; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 465; Điều 469 của

Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Tran A vắng mặt đến lần thứ hai . Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Tran A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có làm thủ tục chứng nhận kết hôn tại bang Vitoria, Liên bang Úc ngày 29/5/2010. Giấy chứng nhận kết hôn đã ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại UBND huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ số 38 ngày 09/9/2016. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Bích H thì sau khi đăng ký kết hôn, ông Tran A bảo lãnh cho bà sinh sống tại nước Úc. Trong thời gian vợ chồng sống chung có những mâu thuẫn, bất đồng xảy ra nên ông Tran A không đồng ý tiếp tục bảo lãnh cho bà ở lại. Tháng 5/2015, do hết thời hạn ở lại Úc nên một mình bà quay lại Việt Nam. Từ đó cho đến nay, đôi bên đã chấm dứt mọi liên lạc. Bà xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp-Bộ Ngoại giao-Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn ông Tran A.

Trích lục ghi chú kết hôn ghi vào sổ hộ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ số 38 ngày 09/9/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Bích H nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần trừ tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0031385 ngày 18/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp đủ án phí.

Chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp là 32 đô la Úc bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cần trừ tiền tạm ứng chi phí tố tụng 3.000.000 (Ba triệu) đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0033877 ngày 01/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, phần tiền chênh lệch còn thừa bà H được nhận lại, nếu còn thiếu bà H phải nộp bổ sung.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H và bị đơn ông Tran A; bà Nguyễn Thị Bích H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Tran A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Thị Nhung